TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-PT
Ngày 23 - 01 - 2019
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc: Tranh chấp Quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Vũ Hùng D, sinh năm 1965 (có mặt).

1.2. Bà Đặng Thúy D1, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng ngụ tại: Số 436B/71A/1, đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thúy D1: Ông Vũ Hùng D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 03980 ngày 09/3/2016).

2.Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 105/1, đường Đ, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện ngụ tại: Số 188/15/3A, đường E1, khu phố 10, phường E2, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A:* Ông Nguyễn Hoàng T,

sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền số 011430 ngày 27/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành - Có mặt) và Ông Vũ Đức D2, sinh năm 1990 (Văn bản ủy quyền số 012127 ngày 16/09/2016 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành - Vắng mặt); Cùng địa chỉ liên hệ: Số 99, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Trần Thị Ngọc D3, sinh năm 1975; hiện cư ngụ tại thành phố East Lasing, Bang Michigan, Hoa Kỳ.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc D3:* Ông Nguyễn Hoàng T; là người đại diện tham gia tố tụng theo các văn bản ủy quyền: Hợp đồng ủy quyền số 001798 ngày 25/02/2017 của bà D3 cho ông Nguyễn Thế B được Văn phòng Công chứng Bến Thành chứng nhận theo hợp đồng đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận ngày 28/12/2016 số 680/CNLS-2017, Giấy ủy quyền số 001800 ngày 25/02/2017 của ông Nguyễn Thế B ủy quyền lại cho ông Vũ Đức D2 tại Văn phòng công chứng Bến Thành, Giấy ủy quyền số 20554 ngày 30/08/2017 của ông Vũ Đức D2 ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng T tại Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế B, cư ngụ: Số 105/1, đường Đ, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên Tòa phúc thẩm).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 23/11/2015 cùng các tài liệu khác, nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Hùng D và bà Đặng Thúy D1 là chủ sở hữu thửa đất số 554, tờ bản đồ số 41, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 292,2m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 984365 do Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 9 cấp ngày 20/4/2011.

Vào tháng 01/2011, nhà bà Nguyễn Thị A có ông Nguyễn Thế B đã đập tường rào nhà số 105/1, đường Đ, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng lấn chiếm sang phần đất của ông bà.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Ngọc D3 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 7,3m^2 thuộc thửa 554, tờ bản đồ số 41 phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và tự nguyện hỗ trợ các chi phí phá dở, xây lại bờ tường cho nhà bà A là 10.000.000 đồng.

Tại bản tự khai cùng các tài liệu khác, người đại diện của các bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Về phía bị đơn do ông Nguyễn Hoàng T đại diện trình bày: Nhà số 105/1, đường Đ, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng ông B và bà

D3 xây lại tường rào trên móng của tường rào cũ trước đó nên không lấn chiếm đất của nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Thái cũng trình bày ý kiến Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017 đã không giáp ranh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3671/03 do UBND Quận 9 cấp ngày 04/11/2003 cho bà A và bà D3 là thiệt thòi cho quyền lợi của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2018/DS-ST ngày 31-01-2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 27, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 5 điểm a Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 169, Điều 256 Bộ luật Dân sự 2015; Pháp lệnh Án phí, lệ phí năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Ngọc D3 có trách nhiệm tháo dở hàng rào tường gạch và tole để trả lại cho ông Vũ Hùng D và bà Đặng Thúy D1 phần đất có diện tích 7,3m^2 tại vị trí số 9 và 10 thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn chi phí tháo dở, di dời bức tường rào là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đo vẽ, định giá của nguyên đơn.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/02/2018, bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Phần đất giáp ranh của 02 nhà trước đây là đường thẳng, do bị đơn phá hàng rào cũ, xây hang rào mới không đúng vị trí nên ranh là đường cong, móng hàng rào cũ vẫn còn, bị đơn cho rằng xây trên móng cũ là không đúng.

Bị đơn do ông Nguyễn Hoàng T đại diện theo uỷ quyền trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, yêu cầu huỷ án sơ thẩm. Do án sơ thẩm chỉ căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017 đã không giáp ranh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3671/03 do UBND Quận 9 cấp ngày 04/11/2003 cho bà A và bà D3 là không chính xác; ngoài ra án sơ thẩm không chấp nhận ông Thái đại diện theo uỷ quyền cho bà D3 nên việc tống đạt văn bản tố tụng cho bà D3 qua uỷ thác tư pháp chưa hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu về chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, của đương sự; phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ, ý kiến của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Hùng D và bà Đặng Thúy D1 khởi kiện yêu cầu đòi lại phần đất thuộc quyền sử dụng của ông bà nhưng bị phía bà Nguyễn Thị A và con gái Trần Thị Ngọc D3 xây dựng lấn chiếm, đây là quan hệ đòi quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là bà Trần Thị Ngọc D3 hiện cư ngụ tại tại Hoa Kỳ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc D3 hiện cư ngụ tại Đại học Michigan State. Phía gia đình bà D3 xuất trình các văn bản ủy quyền: Hợp đồng ủy quyền số 001798 ngày 25/02/2017 của bà D3 cho ông Nguyễn Thế B được Văn phòng Công chứng Bến Thành chứng nhận theo hợp đồng đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận ngày 28/12/2016 số 680/CNLS-2017, Giấy ủy quyền số 001800 ngày 25/02/2017 của ông Nguyễn Thế B ủy quyền lại cho ông Vũ Đức D2 tại Văn phòng công chứng Bến Thành, Giấy ủy quyền số 20554 ngày 30/08/2017 của ông Vũ Đức D2 ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng T tại Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Hợp đồng ủy quyền số 001798 ngày 25/02/2017 do Văn phòng Công chứng Bến Thành lập, tại trang cuối của hợp đồng ghi: "Hợp đồng này đã được tham tán Nguyễn Tuấn TL. Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Washington D.C. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ chứng nhận ngày 28/12/2016 số 680/CNLS- 2017", tại phần chứng nhận chữ ký của bà Trần Thị Ngọc D3 lại được đính kèm bản photo chứng nhận của Đại sứ quán mà không có bản chính chứng nhận chữ ký cũng như không có hợp đồng ủy quyền bản chính đính kèm, trong phần nội dung chứng nhận chữ ký của bà D3 đã được ghi rõ "Đại sứ quán không chịu trách nhiệm nội dung văn bản đính kèm". Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng T trình bày ông Nguyễn Thế B có hợp đồng ủy quyền của bà D3 bản gốc nên Văn phòng Công chứng Bến Thành đã chứng nhận nội dung bà D3 ủy quyền cho ông B, tuy nhiên ông (T) không giữ bản chính hợp đồng này nên không xuất trình được. Vậy không đủ căn cứ để cho rằng ông Nguyễn Thế B được bà Trần Thị Ngọc D3 ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án đối với tranh chấp có liên quan đến nhà đất số 105/1, đường Đ, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, các giấy ủy quyền của ông B đối với ông Vũ Đức D2 và ông Vũ Đức D2 đối với ông Nguyễn Hoàng T là không hợp lệ.

Bên cạnh đó, Tòa án cũng ủy thác tư pháp các văn bản tố tụng cho bà D3 theo địa chỉ gia đình bà cung cấp tại Bang Michigan, Hoa Kỳ và đã nhận được Công văn của Bộ Tư pháp số 2874/BTP-PLQT ngày 08/09/2017 thông báo đã thực hiện ủy thác nhưng đương sự không phản hồi. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D3.

Ngày 05/01/2018, ông Vũ Đức D2 đại diện bà A và đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thế B có đơn yêu cầu xét xử sơ thẩm vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và dành quyền kháng cáo cho họ theo quy định chung.

Đối với ông Nguyễn Thế B là chồng bà D3 và là người hiện đang quản lý tài sản của bà D3, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông B nên cần thiết đưa ông B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 984365, số vào sổ CH 01054 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 20/04/2011, ông Vũ Hùng D và bà Đặng Thúy D1 là chủ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ số 41, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 292,2m^2. Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/7/2017, phần đất phía bị đơn đang sử dụng lấn qua phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn có chiều dài là 17,19m (2,80m + 14,39m) dọc theo bức tường gạch và tole tiếp giáp giữa nhà 105/1, đường Đ, có chiều ngang đoạn phía trước bắt đầu từ bức tường cũ của nhà 105/1, đường Đ, phần phía sau ranh tường của nhà 105/1 lấn qua phần đất trống của nguyên đơn là 0,80m, tổng diện tích lấn chiếm là 7,3m^2.

Về phía bị đơn, cho rằng Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/7/2017 không áp ranh hiện hữu mà bị đơn đang sử dụng với ranh đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3671/03 do UBND Quận 9 cấp ngày 04/11/2003 cho bà Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Ngọc D3 là thiệt thòi quyền lợi của bị đơn, án sơ thẩm căn cứ Theo Công văn 1008/TTĐĐBĐ ngày 24/07/2017 Trung tâm Đo đạc Bản đồ trả lời không thể áp được ranh Giấy chứng nhận số 3671/03 do UBND Quận 9 ký ngày 04/11/2003 lên bản đồ hiện trạng vì lý do "Ranh giới khu đất, ranh giới kiến trúc thực tế hiện nay không phù hợp với ranh giới khu đất, ranh kiến trúc trên giấy chứng nhận. Do đó, không đủ cơ sở kỹ thuật để thực hiện việc áp ranh". Mặt khác, đây là vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, nguyên đơn đã chứng minh được quyền lợi hợp pháp của mình bị xâm phạm qua Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/7/2017, việc ranh đất thực tế của các bị đơn có chênh lệch so với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà

ở và quyền sử dụng đất ở số 3671/03 do UBND Quận 9 cấp ngày 04/11/2003 do bị người thứ ba sử dụng hay không thì không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án, phía bị đơn cũng không có yêu cầu cụ thể đối với vấn đề này, do vậy phía bị đơn có thể khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Yêu cầu đòi lại đất bị lấn chiếm của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 169, Điều 256 Bộ luật Dân sự 2015 nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo ý kiến của Viện kiểm sát. Bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ bức tường gạch và tole có chiều dài tính từ phía sau khu đất ra hướng mặt tiền đường là (2,80m + 14,39m = 17,19m) để trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 7,3m^2 có vị trí tại số 9 + 10 theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn chi phí tháo dở, di dời bức tường rào là 10.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đo vẽ, định giá của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án là 200.000 đồng do bị đơn chịu và nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền. Bà A sinh năm 1948 là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn là 2.600.000 đồng theo biên lai thu số 0006964 ngày 30/11/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9.

Xét án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật cần được giữ nguyên nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A không có căn cứ chấp nhận, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới so với hồ sơ mà cấp sơ thẩm đã thu thập.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu nhưng do bà là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 27, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 5 điểm a Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 169, Điều 256 Bộ luật Dân sự 2015; Pháp lệnh Án phí, lệ phí năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Ngọc D3 có trách nhiệm tháo dở hàng rào tường gạch và tole để trả lại cho ông Vũ Hùng D và bà Đặng Thúy D1 phần đất có diện tích 7,3m^2 tại vị trí số 9 và 10 thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/07/2017. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn chi phí tháo dở, di dời bức tường rào là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đo vẽ, định giá của nguyên đơn.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Ngọc D3 mỗi người chịu 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) và nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bà A được miễn án phí.

Hoàn lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006964 ngày 30/11/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu nhưng do bà là người cao tuổi nên được miễn. Trả lại bà Nguyễn Thị A 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0044152 ngày 04/04/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (do ông Nguyễn Hoàng T nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Huyền Vân **Trần Xuân Minh** **Trương Văn Bình**